

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 06 tháng 04 năm 2026

DANH MỤC DỤNG CỤ , MÁY MÓC, THIẾT BỊ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM

Tên đơn vị: **Công Ty Cổ Phần tư vấn xây dựng và Kiểm Định Thịnh Phát**

Địa chỉ: 90 Phạm Văn Đồng, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại : 0935748568

Email: lasxd527@gmail.com

Họ tên, chức danh người phụ trách phòng thí nghiệm: **Nguyễn Trần Trường San**

1. Danh mục máy móc, thiết bị

ST T	TÊN THIẾT BỊ	MODEL/ SỐ SERIAL	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	NƠI ĐẶT THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	WE-1000B/ 61204	Khả năng nén 1000kN; Độ chính xác $\pm 1\%$.	90 Phạm Văn Đồng
2	Máy thử độ bền nén	TYA-2000/ 02000187	Khả năng nén 2000kN; Độ chính xác $\pm 1\%$.	90 Phạm Văn Đồng
3	Máy thử độ bền nén	HLC/ 00073	Khả năng nén 1500kN; Độ chính xác $\pm 1\%$.	90 Phạm Văn Đồng
4	Máy đầm Marshall tự động	MZ-IJA/ 20240349	Trọng lượng búa: 4534g - Chiều cao rơi búa: 456.7mm - Tốc độ đầm: 60 lần/phút - Số lần đầm cài đặt: 1-99	90 Phạm Văn Đồng
5	Máy đầm Proctor tự động	DJY-III/ BU220313	Tốc độ đầm 30 lần/ phút; Đầm tiêu chuẩn 2.5kg, đầm cải tiến 4.5kg	90 Phạm Văn Đồng
6	Áp kế máy thử thấm bê tông	HS-4/ HY65581527000	Phạm vi đo 4 Mpa; Độ chính xác 0.01 Mpa	90 Phạm Văn Đồng
7	Máy nén Marshall + CBR	CBR/MARSHAL L/ A9152	Khả năng nén 50kN	90 Phạm Văn Đồng
8	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường	DF-6/ 240806	Thời gian thử: 5giây - Chiều sâu xuyên: 50mm - Trọng lượng phần chuyển động: 100g $\pm$ 0.05g - Trọng lượng kim tiêu chuẩn: 2.5g $\pm$ 0.05g	90 Phạm Văn Đồng
9	Thiết bị đo độ Hoá mềm nhựa đường	DF-12/ 240501	Phạm vi điều nhiệt 180°C	90 Phạm Văn Đồng
10	Thiết bị đo giãn dài nhựa	SLY-1.5/ 08051	Tốc độ kéo: 5 $\pm$ 0.25	90 Phạm Văn

	đường		cm/phút. - Chiều dài kéo max1500mm Hiển thị số, nhiệt độ thử: 5-50°C	Đồng
11	Thiết bị đo độ bốc cháy nhựa đường	SYD-3536/ 02259	Nhiệt độ làm việc 360°C; Công suất 1000W	90 Phạm Văn Đồng
12	Bể ổn nhiệt	HHW-2/ 02007	Thang nhiệt độ: nhiệt độ môi trường -100°C; Độ chính xác: 1°C.	90 Phạm Văn Đồng
13	Vòng lực máy cắt phẳng	SDJ-II/ A4499	Phạm vi đo 5Kn	90 Phạm Văn Đồng
14	Kích 32 tấn – Thủy lực	23106195523	Phạm vi đo 320Kn; Đồng hồ áp 60 Mpa	90 Phạm Văn Đồng
15	Máy thử mài mòn Los Angles	MH-II	Tốc độ quay 30-33 vòng/ phút; Số vòng quay 0- 999; Khối lượng 12 bi thép: 5000g	90 Phạm Văn Đồng
16	Búa thử cường độ bê tông	ZC-3/231209	Phạm vi đo 100N/mm ² Sai số cho phép 2N/mm ²	90 Phạm Văn Đồng
17	Bộ đo và điều khiển thiết độ tủ sấy 10-300°C (1°C)	DH-900/2812	Phạm vi đo 300°C; Độ phân giải 1°C	90 Phạm Văn Đồng
18	Bộ đo và điều khiển thiết độ tủ sấy 10-300°C (1°C)	30918	Phạm vi đo 300°C; Độ phân giải 1°C	90 Phạm Văn Đồng
19	Máy đo điện trở	KEW 4105A/ E8442775	Phạm vi đo 2000Ω; Độ chính xác 2%	90 Phạm Văn Đồng
20	Cân điện tử 3000g	VB-3002B/ 20130751	Khả năng cân: 3000g; Độ chính xác: 0,01g	90 Phạm Văn Đồng
21	Cân điện tử 4100g (thủy tĩnh)	B334700518	Khả năng cân: 4100g; Độ chính xác: 0,01g	90 Phạm Văn Đồng
22	Cân điện tử 3200g (thủy tĩnh)	GS-3202N/ GF202307475	Khả năng cân: 3200g; Độ chính xác: 0,01g	90 Phạm Văn Đồng
23	Cân điện tử 30Kg	ATS-GC27/ 2307015	Khả năng cân: 30Kg; Độ chính xác: 1g	90 Phạm Văn Đồng
24	Cân điện tử 30Kg	GC-27/ 2401654	Khả năng cân: 30Kg; Độ chính xác: 1g	90 Phạm Văn Đồng
25	Cân điện tử 30Kg	GS-HAW30/ 2024132611	Khả năng cân: 30Kg; Độ chính xác: 0.5g	90 Phạm Văn Đồng
26	Cân điện tử 30Kg	ATS-GC17/ 2210153	Khả năng cân: 30Kg; Độ chính xác: 1g	90 Phạm Văn Đồng
27	Cân điện tử 30Kg	GC-27	Khả năng cân: 30Kg; Độ chính xác: 1g	90 Phạm Văn Đồng
28	Đồng hồ so (0-5)mm, d=0.01mm	A52568	Khả năng đo 5mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng

29	Đồng hồ so (0-10)mm, d=0.01mm	F125528	Khả năng đo 10mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
30	Đồng hồ so (0-10)mm, d=0.01mm	228642	Khả năng đo 10mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
31	Đồng hồ so (0-10)mm, d=0.01mm	F120773	Khả năng đo 10mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
32	Đồng hồ so (0-5)mm, d=0.01mm	6516124	Khả năng đo 5mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
33	Đồng hồ so (0-10)mm, d=0.01mm	15700	Khả năng đo 10mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
34	Đồng hồ so (0-10)mm, d=0.01mm	12842	Khả năng đo 10mm; Độ chính xác: 0.01mm	90 Phạm Văn Đồng
35	Máy nén tam liên	WG	Phạm vi đo 2400N	90 Phạm Văn Đồng
36	Lò nung 1000 ⁰ C	SX2-4-10/1207	Phạm vi đo 1000 ⁰ C; Dung tích 7.2 lít	90 Phạm Văn Đồng
37	Thiết bị xác định độ nhớt của nhũ tương, nhựa đường	SYD-0623/8539	Nhiệt độ làm việc 240°C; Độ chính xác 0.1°C; Thời gian kiểm tra 999.9s; Độ chính xác 0.1s	90 Phạm Văn Đồng
38	Máy xác định hàm lượng paraffin của nhựa đường	WSY-010	Công suất 1800W (Công suất làm mát 800W, công suất sưởi 1000W); Nhiệt độ làm việc -30°C, độ chính xác ±0.5°C	90 Phạm Văn Đồng
39	Máy mài mòn bê tông, Gạch	TA-30/260328	Tốc độ vòng quay: 30 vòng/ phút	90 Phạm Văn Đồng
40	Bộ chung cất nhũ tương nhựa đường	TA-20/250415		90 Phạm Văn Đồng
41	Tủ sấy mẫu chân không	DZF-6020AB/24071301	Nhiệt độ làm việc 250°C, độ chính xác 1°C; Độ chân không 133Pa	90 Phạm Văn Đồng
42	Lò nung dung để chung cất mẫu nhựa đường	SDY-0615-1/ZZ0061512512017	Hệ thống sưởi 2000W; Nhiệt độ làm việc 550°C	90 Phạm Văn Đồng
43	Máy kiểm tra điện tích hạt của nhũ tương nhựa đường	SYD-0653/1657	Độ chính xác 0,1s	90 Phạm Văn Đồng

2. Danh mục dụng cụ thiết bị khác

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	NƠI ĐẶT THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM
1	Máy Khoan bê tông xi măng + bê tông nhựa	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
2	Máy Khoan điện rút lõi bê tông xi măng + bê tông nhựa	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng

3	Bộ Thiết bị kiểm tra BENTONITE	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
4	Bộ Cản Benkelman	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
5	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
6	Dụng cụ đo độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
7	Máy li tâm chiết nhựa Model LF-II	04	Cái	90 Phạm Văn Đồng
8	Bộ đầm mẫu Marshall bằng tay Model NIN-II	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
9	Kích tháo mẫu đa năng Model TYT-3	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
10	Khuôn mẫu Marshall	30	Cái	90 Phạm Văn Đồng
11	Bơm hút chân không. Lưu tốc 60 lít/phút, cấp chân không 6.10^{-2} mmHg.	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
12	Bình hút chân không	05	Cái	90 Phạm Văn Đồng
13	Máy lắc sàng vật liệu	01	Máy	90 Phạm Văn Đồng
14	Bộ chia mẫu vật liệu	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
15	Ngàm kéo thép D0-40mm; D14-32mm; D26-40mm	03	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
16	Gối uốn D50	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
17	Ngàm kẹp bulông D6-30mm	13	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
18	Chuông kẹp kéo bulông	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
19	Bộ ép chế bê tông nhựa và vật liệu liên kết	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
20	Bộ ép chế bê tông xi măng	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
21	Bộ uốn bê tông xi măng	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
22	Bộ uốn vữa xi măng	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
23	Bộ uốn gạch đất sét nung	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
24	Bộ gá nén gạch block bê tông	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
25	Gá uốn xi măng, vữa xi măng	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
26	Gá nén xi măng, vữa xi măng	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
27	Sàng xác định độ mịn xi măng	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
28	Bộ Vicat Model Vicat – Jianyi	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
29	Khuôn le chatelier Model LJ-175 – Jianyi	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
30	Bàn dẫn khuôn cone xác định hàm lượng nước	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
31	Nồi hấp mẫu xi măng	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
32	Bay và chảo trộn xi măng	05	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
33	Bàn dẫn Jolting Model ZS-15 – XiYi	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
34	Bộ sàng bê tông nhựa	04	Bộ	90 Phạm Văn Đồng

35	Bộ sàng cấp phối đá dăm	04	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
36	Bộ sàng đất	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
37	Bộ sàng đá dăm các loại	03	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
38	Bộ phiếu kiểm tra độ chặt	05	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
39	Bộ Casagrande	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
40	Tấm nhám xác định giới hạn dẻo	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
41	Bộ cối chày Proctor cải tiến	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
42	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
43	Bộ cối chày CBR	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
44	Khuôn nén dập đá dăm, d75mm	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
45	Bộ thùng đong	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
46	Phiếu xác định khối lượng thể tích xốp Cát, đá	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
47	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 1 lit	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
48	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 2 lit	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
49	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 5 lit	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
50	Thùng xác định khối lượng thể tích xốp đá 10 lit	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
51	Bình rửa đá	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
52	Bình rửa cát	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
53	Tỉ trọng kế đo đất + Bộ sàng tiêu chuẩn	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
54	Máy cắt sắt	01	Máy	90 Phạm Văn Đồng
55	Máy cắt bê tông, đá, gạch	01	Máy	90 Phạm Văn Đồng
56	Bộ giá, giỏ cân thủ tĩnh	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
57	Bình xác định khối lượng riêng	05	Bình	90 Phạm Văn Đồng
58	Bộ thiết bị thử thấm đất trong PTN	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
59	Ống đong 1000ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
60	Ống đong 500ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
61	Ống đong 250ml	05	Cái	90 Phạm Văn Đồng
62	Nhiệt kế thủy ngân 0-300 ⁰ C	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
63	Nhiệt kế thủy ngân 0-100 ⁰ C	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
64	Nhiệt kế cơ 0-200 ⁰ C	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
65	Nhiệt kế điện tử 0-200 ⁰ C	04	Cái	90 Phạm Văn Đồng
66	Bếp điện phẳng, cách cát	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
67	Đồng hồ bấm giây, điện tử	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng

68	Thuốc kẹp 300mm/0.02mm	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
69	NaOH kỹ thuật	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
70	Kính lúp	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
71	Chén sứ nung có nắp 50ml	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
72	Bình tỷ trọng 50ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
73	Bình tỷ trọng 100ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
74	Bình tỷ trọng 250ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
75	Bình tam giác 250ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
76	Bình tam giác 500ml	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
77	Cốc đốt 500ml	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
78	Cốc đốt 1000ml	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
79	Quả bóp cao su	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
80	Bộ đo độ sụt bê tông	04	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
81	Bàn rung tạo mẫu bê tông	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
82	Khuôn khối đúc mẫu bê tông 15x15x15cm	50	Cái	90 Phạm Văn Đồng
83	Khuôn trụ đúc mẫu bê tông 15x30	30	Cái	90 Phạm Văn Đồng
84	Khuôn đúc mẫu xi măng, vữa xi măng 4x4x16cm	10	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
85	Khuôn đúc mẫu xi măng, vữa xi măng 5x5cm	05	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
86	Bình tỷ trọng Le Chatelier 250ml	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
87	Phễu và bình tam giác xác định khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa.	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
88	Bảng so màu	02	Cái	90 Phạm Văn Đồng
89	Bộ cối chày sứ	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
90	Bộ cối chày Inox	02	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
91	Hộp nhôm d=50mm, h=35mm	32	Cái	90 Phạm Văn Đồng
92	Dao vòng 30cm ²	15	Cái	90 Phạm Văn Đồng
93	Dao vòng lấy mẫu đất 100cc (d50,4x50mm)	05	Cái	90 Phạm Văn Đồng
94	Dao vòng lấy mẫu đất 200cc (d70x52mm)	05	Cái	90 Phạm Văn Đồng
95	Đế đóng bằng thép	03	Cái	90 Phạm Văn Đồng
96	Đũa thủy tinh	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
97	Pipet thẳng 50ml	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
98	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000ml	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
99	Ống đong nhựa 500ml + nút	01	Cái	90 Phạm Văn Đồng
100	Bộ lắc xác định đương lượng của cát, 04 ống trụ mika Dtr=32mm, kèm nút, 01 đoạn ống mềm siphon,	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng

	03 ống đồng D6mm, 01 quả tải – phao và 02 kẹp tiết lưu Đựng trong Hộp gỗ			
101	Bộ Dụng Cụ Đo Đa Chỉ Tiêu Chất Lượng Nước HI3817	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng
102	Bộ xác định độ hòa tan Trycloethylen - Phễu lọc bằng sứ d60mm - Bình lọc thành dày có nhánh dung tích 250ml - Nút cao su - Ống cao su kèm 2 kẹp - Giấy lọc d90mm(hộp100c) - Hoá chất Tricortylen	01	Bộ	90 Phạm Văn Đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ
KIỂM ĐỊNH THỊNH PHÁT**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phương Duy